

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21 /2024/DS-ST**

Ngày: 29/02/2024.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Lâm.

Ông Lê Văn Đạo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Duy –Thư ký Tòa án.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 284/2023/TLST – DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà H, sinh ngày 08/9/1978 (có mặt).

Trú tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

** Bị đơn:*

1/ Ông Kh, sinh năm 1976 (có mặt).

2/ Bà L, sinh năm 1978 (có mặt).

Cùng trú tại: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 08/8/2023 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà H trình bày:*

- Vào ngày 13/12/2022, bà H có cho vợ chồng bà L, ông Kh vay số tiền 500.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả chỉ nói khi nào lấy lại tiền sẽ báo trước 01 tháng lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng.

- Vào ngày 30/4/2023, bà H có cho vợ chồng bà L, ông Kh vay số tiền 1.200.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả chỉ nói khi nào lấy lại tiền sẽ báo trước 01 tháng lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng.

- Vào ngày 20/5/2023, bà H có cho vợ chồng bà L, ông Kh vay số tiền 1.300.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả chỉ nói khi nào lấy lại tiền sẽ báo trước 01 tháng lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng.

- Vào ngày 03/6/2023, bà H có cho vợ chồng bà L, ông Kh vay số tiền 1.500.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả chỉ nói khi nào lấy lại tiền sẽ báo trước 01 tháng lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng.

- Vào ngày 12/6/2023, bà H có cho vợ chồng bà L, ông Kh vay số tiền 1.500.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả chỉ nói khi nào lấy lại tiền sẽ báo trước 01 tháng lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/ tháng.

Tổng cộng các lần vay ông Kh, bà L nợ bà H số tiền 6.000.000.000 (Sáu tỷ) đồng, hai bên có làm giấy nợ và có ký tên nhận tiền. Vì nghĩ rằng ông Kh là người làm việc có uy tín nên bà H tin tưởng không lấy lãi mà đợi khi nào trả vốn sẽ lấy 01 lần luôn. Nhưng đến nay phía ông Kh bà L không trả tiền gốc và lãi.

Nay bà H yêu cầu ông Kh và bà L cùng liên đới trả số tiền 6.000.000.000 (Sáu tỷ) đồng, bà H không yêu cầu tính lãi suất.

** Tại bản tự khai ngày 17/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà L trình bày:*

Bà và ông Kh là vợ chồng, bà thừa nhận có vay của bà H nhiều lần hiện tại còn nợ với tổng số tiền 6.000.000.000 (Sáu tỷ) đồng để cho người khác vay lại và hiện tại bà cũng đang kiện người khác trên 09 tỷ đồng, bà bỏ vốn hoặc vay tiền để cho người khác đáo hạn Ngân hàng hơn 10 năm nay, khi người ta trả tiền Ngân hàng xong vay lại trả tiền cho bà và có trả lãi cho bà 01 tỷ được 01 đến 02 triệu đồng. Trong số tiền vay của bà H, ông Kh có cùng ký tên vay số tiền 1.500.000.000 đồng. Mục đích vay tiền của bà H để cho người khác vay lại, bà đồng ý trả cho bà H số tiền 6.000.000.000 đồng, nhưng ông Kh chỉ đồng ý cùng bà trả số tiền theo biên nhận ông Kh đã ký là 1.500.000.000 đồng.

** Tại bản tự khai ngày 17/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Kh trình bày:*

Ông và bà L là vợ chồng có đăng ký kết hôn nhưng đã ly thân, tuy nhiên ông vẫn chịu trách nhiệm chung vợ chồng với bà L. Ông biết việc bà L cho người khác vay tiền để đáo hạn Ngân hàng đã hơn 10 năm nay. Trong cuộc sống vợ chồng, bà L giữ tiền và quán xuyến kinh tế gia đình khi ông cần tiền thì bà L đưa ông tiền nên ông không biết bà L vay số tiền còn lại của bà H. Về yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu ông cùng bà L liên đới trả số tiền 6.000.000.000 đồng ông không đồng ý. Vì theo chứng cứ phía bà H cung cấp thì ông chỉ có ký vào 01 biên nhận nợ cùng với bà L là 1.500.000.000 đồng nên ông yêu cầu Tòa án chỉ giải quyết cho ông chịu nghĩa vụ cùng với bà L trả cho bà H số tiền 1.500.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội khởi kiện: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn cùng liên đới trả số tiền 6.000.000.000 đồng, cơ sở chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm các tài liệu:

- Biên nhận mượn tiền ngày 20/5/2023 mượn số tiền 1.300.000.000 đồng, ngày 12/6/2023 mượn số tiền 1.300.000.000 đồng, ngày 12/6/2023 mượn 200.000.000 đồng, ngày 12/12/2022 mượn 500.000.000 đồng, ngày 30/4/2023 mượn 1.200.000.000 đồng. Các giấy mượn tiền này một mình bà L ký mượn với tổng số tiền là 4.500.000.000 đồng.

- Biên bản mượn tiền ngày 03/6/2023 mượn 1.500.000.000 đồng, ông Kh và bà L cùng ký mượn.

Bị đơn Kh chỉ đồng ý cùng bà L trả số tiền 1.500.000.000 đồng, còn số tiền 4.500.000.000 đồng còn lại ông Kh không đồng ý trả theo yêu cầu của bà H.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đều xác định được giữa bà H và bà L, ông Kh có giao dịch vay tiền với nhau, theo như các biên nhận nợ thì bà L vay của bà H số tiền 4.500.000.000 đồng, ông Kh, bà L vay của bà H là 1.500.000.000 đồng, điều này được các bên thừa nhận. Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, cụ thể là các biên nhận mượn tiền đều được bà L, ông Kh thừa nhận chữ ký trong các giấy vay tiền là do các ông bà ký tên. Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

[3] Xét bà H yêu cầu cả ông Kh, bà L cùng liên đới trả số nợ 6.000.000.000 đồng vì bà xác định bà cho cả ông Kh, bà L vay số tiền trên, vì tin tưởng nên một số giấy chỉ để một mình chị Linh ký, chị Linh đồng ý trả số nợ trên cho bà H, còn ông Kh chỉ trả số tiền 1.500.000.000 đồng, đúng với tờ giấy nợ mà ông đã ký, còn các khoản nợ khác ông biết. Hội đồng xét xử xét thấy ngoài các giấy nợ đã cung cấp thì các bên không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày của mình, căn cứ vào lời trình bày của bà L và ông Kh thì hiện ông bà là vợ chồng hợp pháp chưa có ly hôn, ông Kh trình bày vợ chồng ly thân nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, nợ chung này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Đồng thời, ông Kh, bà L đều thừa nhận bà L là người quản lý tiền bạc và quán xuyến chi tiêu trong gia đình, ông Kh biết bà L cho người khác vay tiền để làm thủ tục trả nợ vay đáo hạn Ngân hàng hơn 10 năm nay. Vì vậy, việc bà L vay tiền rồi cho người khác vay lại có hưởng lãi cũng phần nào lo cho cuộc sống gia đình, nên bà H yêu cầu ông Kh phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ tất cả các khoản tiền là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Bà L, ông Kh đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn đầy đủ cho bà H, nên bà H khởi kiện yêu cầu bà L, ông Kh trả nợ vay là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều

463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Bà H chỉ yêu cầu trả vốn và không yêu cầu trả lãi suất từ khi vay đến nay, mà chỉ yêu cầu tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà H và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận toàn bộ, nên bà L và ông Kh phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà L và ông Kh phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 6.000.000.000 (Sáu tỷ) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc bà L và ông Kh phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 114.000.000 (Một trăm mười bốn triệu) đồng.

- Bà H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.000.000 (Năm mươi bảy triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0000475 ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng